

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày: 27 - 3 - 2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trình
2. Bà Phạm Hồ Quỳnh Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự- Thư ký tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S – S1

Địa chỉ trụ sở: Số B - B N, phường H, quận C, TP .. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng S1. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trương Đình V- Chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ - Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: B N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng- Có mặt;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1993

Địa chỉ: A C, quận C, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2024, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 01/11/2022 bà Nguyễn Thị T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 02/03/2023 Căn cứ thu nhập của bà T Ngân hàng đã nâng hạn mức lên 100.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng. Bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 517.501.338 đồng. Lãi suất áp dụng 2,48%/tháng (lãi suất trong hạn) và được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Lãi quá hạn ($2.48\% \times 150\% = 3.720\%$ /tháng). Lãi 01 ngày = $79.060.419đ \times 3.720\% : 30 = 98.114$ đồng;

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 450.369.233 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/05/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính từ ngày 06/5/2024 đến ngày 27/3/2025 bà Nguyễn Thị T còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ: 79.060.419 đồng; lãi trong hạn: 21.323.443 đồng; lãi quá hạn: 10.661.721 đồng. Tổng cộng: 111.045.583 đồng.

*** Đối với khoản vay tiêu dùng VTD SacombankPay số 21125 – 5865;**

Ngày 04/11/2022 sau khi được cấp tín dụng bà T đã thực hiện 19 giao dịch với tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Bà T thanh toán với số tiền 63.395.558 đồng. Lãi suất áp dụng 2,72%/tháng (lãi suất trong hạn) và được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N1 về lãi suất cho vay. Lãi quá hạn ($2.72\% \times 150\% = 4.08\%$ /tháng). Lãi 01 ngày = $27.827.243đ \times 4.08\% : 30 = 37.543$ đồng;

Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 01/6/2024 bà T đã không thực hiện thanh toán cho Ngân hàng, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính từ ngày 01/6/2024 đến ngày 27/3/2025, bà Nguyễn Thị T còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ: 27.827.243 đồng; lãi trong hạn: 7.508.600 đồng; lãi quá hạn: 3.754.300 đồng. Tổng cộng: 39.090.143 đồng.

*** Đối với khoản vay tiêu dùng VTD SacombankPay 211251 – 6268**

Ngày 26/05/2023 sau khi được cấp tín dụng bà T đã thực hiện 11 giao dịch với tổng số tiền là 22.000.000 đồng. Bà T thanh toán với số tiền 19.078.000 đồng. Lãi suất trong hạn: 2.53%/tháng và được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N1 về lãi suất cho vay. Lãi quá hạn ($2.53\% \times 150\% = 3.79\%$ /tháng). Lãi 01 ngày = $4.980.331 \div 30 \times 3.79\% = 6.333$ đồng;

Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 01/6/2024 bà T đã không thực hiện thanh toán cho Ngân hàng, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính từ ngày 01/6/2024 đến ngày 27/3/2025, bà T còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ: 4.980.331 đồng; lãi trong hạn: 1.266.600 đồng; lãi quá hạn: 633.300 đồng. Tổng cộng: 6.880.231 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân Hàng TMCP S2 - Chi nhánh S3 đề nghị Tòa giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị T trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2025 là 157.015.957 đồng, cụ thể như sau:

1. Loại thẻ: VS P Cash-back, số thẻ: 436438-0684; dư nợ gốc: 79.060.419 đồng; lãi trong hạn: 21.323.443 đồng; lãi quá hạn: 10.661.721 đồng. Tổng cộng: 111.045.583 đồng.

2. Loại thẻ: VTD Sacombank Pay, số thẻ: 211251-5865; dư nợ gốc: 27.827.243 đồng; lãi trong hạn: 7.508.600 đồng; lãi quá hạn: 3.754.300 đồng. Tổng cộng: 39.090.143 đồng.

3. Loại thẻ: VTD Sacombank Pay, số thẻ: 211251-6268; dư nợ gốc: 4.980.331 đồng; lãi trong hạn: 1.266.600 đồng; lãi quá hạn: 633.300 đồng. Tổng cộng: 6.880.231 đồng.

Tổng cộng: 157.015.957 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được tòa án tiến hành niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng bà T đều vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP ., phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện cơ bản đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền của 03 hợp đồng là 157.015.957 đồng, trong đó:

1. Loại thẻ: VS P Cash-back, số thẻ: 436438-0684; dư nợ gốc: 79.060.419 đồng; lãi trong hạn: 21.323.443 đồng; lãi quá hạn: 10.661.721 đồng. Tổng cộng: 111.045.583 đồng.

2. Loại thẻ: VTD Sacombank Pay, số thẻ: 211251-5865; dư nợ gốc: 27.827.243 đồng; lãi trong hạn: 7.508.600 đồng; lãi quá hạn: 3.754.300 đồng. Tổng cộng: 39.090.143 đồng.

3. Loại thẻ: VTD Sacombank Pay, số thẻ: 211251-6268; dư nợ gốc: 4.980.331 đồng; lãi trong hạn: 1.266.600 đồng; lãi quá hạn: 633.300 đồng. Tổng cộng: 6.880.231 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T1 phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S4 tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Do có nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên vào ngày 01/11/2022, bà Nguyễn Thị T có ký thẻ tín dụng số 436438-0684 với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 02/03/2023 căn cứ thu nhập của bà T Ngân hàng đã nâng hạn mức lên 100.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 517.501.338 đồng. Lãi suất áp dụng 2,48%/tháng (lãi suất trong hạn) và được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N1 về lãi suất cho vay. Lãi quá hạn ($2.48\% \times 150\% = 3.720\%/tháng$). Lãi 01 ngày = $79.060.419đ \times 3.720\% : 30 = 98.114$ đồng;

*** Đối với khoản vay tiêu dùng VTD SacombankPay số 21125 – 5865;**

Ngày 04/11/2022 sau khi được cấp tín dụng bà T đã thực hiện 19 giao dịch với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, bà T thanh toán với số tiền 63.395.558 đồng. Lãi suất áp dụng 2,72%/tháng (lãi suất trong hạn) và được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N1 về lãi suất cho vay. Lãi quá hạn ($2.72\% \times 150\% = 4.08\%/tháng$). Lãi 01 ngày = $27.827.243đ \times 4.08\% : 30 = 37.543$ đồng;

*** Đối với khoản vay tiêu dùng VTD SacombankPay 211251 – 6268**

Ngày 26/05/2023 sau khi được cấp tín dụng bà T đã thực hiện 11 giao dịch với tổng số tiền là 22.000.000 đồng, bà T thanh toán với số tiền 19.078.000 đồng. Lãi suất trong hạn: 2.53%/tháng và được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N1 về lãi suất cho vay. Lãi quá hạn ($2.53\% \times 150\% = 3.79\%/tháng$). Lãi 01 ngày = $4.980.331đ \times 3.79\% : 30 = 6.333$ đồng;

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP S đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của bà T về việc cấp thẻ tín dụng nhưng cho đến nay bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà đã vi phạm các cam kết về kỳ hạn trả nợ cho Ngân hàng TMCP S. Do bà T2 phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/5/2024 Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết; buộc bà Nguyễn Thị T trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2025 là 157.015.957 đồng, cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị T trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2025 là 157.015.957 đồng, cụ thể như sau:

1. Loại thẻ: VS P Cash-back, số thẻ: 436438-0684; dư nợ gốc: 79.060.419 đồng; lãi trong hạn: 21.323.443 đồng; lãi quá hạn: 10.661.721 đồng. Tổng cộng: 111.045.583 đồng.

2. Loại thẻ: VTD Sacombank Pay, số thẻ: 211251-5865; dư nợ gốc: 27.827.243 đồng; lãi trong hạn: 7.508.600 đồng; lãi quá hạn: 3.754.300 đồng. Tổng cộng: 39.090.143 đồng.

3. Loại thẻ: VTD Sacombank Pay, số thẻ: 211251-6268; dư nợ gốc: 4.980.331 đồng; lãi trong hạn: 1.266.600 đồng; lãi quá hạn: 633.300 đồng. Tổng cộng: 6.880.231 đồng.

Tổng cộng: 157.015.957 đồng. Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và ý kiến, trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Đối với khoản vay tiêu dùng VTD SacombankPay số 436438 – 0684;

Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền 111.045.583 đồng, trong đó: dư nợ gốc: 79.060.419 đồng; lãi trong hạn: 21.323.443 đồng; lãi quá hạn: 10.661.721 đồng;

[3.1]Đối với yêu cầu trả khoản nợ gốc: 79.060.419 đồng:

Ngày 01/11/2022 và ngày 02/3/2023, bà Nguyễn Thị T ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 436438-0684, theo đó Ngân hàng TMCP S cấp cho bà Nguyễn Thị T thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng TMCP S cung cấp thể hiện; sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện 16 giao dịch với số tiền 517.501.338 đồng, tính đến ngày 05/01/2024 bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 450.369.233 đồng. Tính đến ngày 05/01/2024 dư nợ gốc của bà T là 79.060.419 đồng, từ thời điểm đó đến nay bà T không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí cho Ngân hàng. Như vậy, theo bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ như đã viện dẫn nêu trên thì bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với S1. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trong đó có khoản nợ gốc 79.060.419 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bị đơn trả khoản lãi trong hạn 21.323.443 đồng và lãi quá hạn với số tiền 10.661.721 đồng tính từ ngày 06/5/2024 đến ngày 27/3/2025. Tổng Cộng là: 31.985.164 đồng. Theo cam kết tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng thì các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn áp dụng là 2,48%/tháng. Như vậy, số tiền Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán khoản lãi trong hạn 21.323.443 đồng và quá hạn 10.661.721 đồng tính từ ngày 06/5/2024 đến ngày 27/3/2025 với tổng số tiền là 31.985.164 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N1 quy định “Số tiền lãi: là khoản tiền tổ chức tín dụng phải trả cho khách hàng gửi tiền hoặc khách hàng nhận cấp tín dụng phải trả cho tổ chức tín

dụng về việc sử dụng khoản tiền đã nhận”. Theo điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định “*Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất không vượt quá 150% lãi cho vay trong hạn*”. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn trên số tiền nợ gốc là 79.060.419 đồng, tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nên cần chấp nhận.

[4]Đối với khoản vay tiêu dùng VTD SacombankPay số 211251 – 5865;

Ngày 04/11/2022 bà Nguyễn Thị T ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số số 211251 – 5865, theo đó Ngân hàng TMCP S cấp cho bà Nguyễn Thị T thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện 19 giao dịch với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, tính đến ngày 25/01/2024 bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 63.395.558 đồng. Đến ngày 25/01/2024 bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà đã vi phạm các cam kết về kỳ hạn trả nợ cho Ngân hàng TMCP S nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền 39.090.143 đồng, trong đó: dư nợ gốc: 27.827.243 đồng; lãi trong hạn: 7.508.600 đồng; lãi quá hạn: 3.754.300 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Đối với yêu cầu trả khoản nợ gốc: 27.822.243 đồng:

Tính đến ngày 25/01/2024 dư nợ gốc của bà T là 27.827.243 đồng, từ thời điểm đó đến nay bà T không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí cho Ngân hàng. Như vậy, theo Bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ như đã viện dẫn nêu trên thì bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với S1. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trong đó có khoản nợ gốc 27.827.243 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bị đơn trả khoản lãi trong hạn 7.508.600 đồng và lãi quá hạn với số tiền 3.754.300 đồng tính từ ngày 01/6/2024 đến ngày 27/3/2025. Tổng cộng là: 39.090.143 đồng. Như vậy, số tiền Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán khoản lãi trong hạn 7.508.600 đồng và quá hạn 3.754.300 đồng tính từ ngày 01/6/2024 đến ngày 27/3/2025 với tổng số tiền là 39.090.143 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn trên số tiền nợ gốc là 79.060.419 đồng, tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nên cần chấp nhận.

[5]Đối với khoản vay tiêu dùng VTD SacombankPay 211251 – 6268

Ngày 26/5/2023 bà Nguyễn Thị T ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 211251 – 5865, theo đó Ngân hàng TMCP S cấp cho bà Nguyễn Thị T thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện 11 giao dịch với tổng số tiền là 22.000.000 đồng, tính đến ngày 25/01/2024 bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.078.000 đồng. Đến ngày 25/01/2024 bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà đã vi phạm các cam kết về kỳ hạn trả nợ cho Ngân hàng TMCP S nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền 6.880.231 đồng, trong đó: dư nợ gốc: 4.980.331 đồng; lãi trong hạn: 1.266.600 đồng; lãi quá hạn: 633.300 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Đối với yêu cầu trả khoản nợ gốc: 4.980.331 đồng:

Tính đến ngày 25/01/2024 dư nợ gốc của bà T là 4.980.331 đồng, từ thời điểm đó đến nay bà T không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí cho Ngân hàng. Như vậy, theo Bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ như đã viện dẫn nêu trên thì bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với S1. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trong đó có khoản nợ gốc 4.980.331 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bị đơn trả khoản lãi trong hạn 1.266.600 đồng và lãi quá hạn với số tiền 633.300 đồng tính từ ngày 01/6/2024 đến ngày 27/3/2025. Tổng Cộng là: 6.880.231 đồng. Như vậy, số tiền Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán khoản lãi trong hạn 1.266.600 đồng và quá hạn 633.300 đồng tính từ ngày 01/6/2024 đến ngày 27/3/2025 với tổng số tiền là 6.880.231 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn trên số tiền nợ gốc là 4.980.331 đồng, tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nên cần chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng số tiền bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S ba khoản vay là 157.015.957 đồng;

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa hôm nay về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ.

[5] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 436438- 0684 ngày 01/11/2022 và ngày 02/3/2023; số thẻ 211251-5865 ngày 04/11/2022; số thẻ 211251-6268 ngày 26/05/2023. Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị T.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch 5% của số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N1 quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận, gửi tiền, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị T.

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tổng cộng của 03 khoản vay tính đến ngày 27/3/2025 là 157.015.957 đồng, cụ thể:

1. Loại thẻ: VS P Cash-back, số thẻ: 436438-0684; dư nợ gốc: 79.060.419 đồng; lãi trong hạn: 21.323.443 đồng; lãi quá hạn: 10.661.721 đồng. Tổng cộng: 111.045.583 đồng.

2. Loại thẻ: VTD Sacombank Pay, số thẻ: 211251-5865; dư nợ gốc: 27.827.243 đồng; lãi trong hạn: 7.508.600 đồng; lãi quá hạn: 3.754.300 đồng. Tổng cộng: 39.090.143 đồng.

3. Loại thẻ: VTD Sacombank Pay, số thẻ: 211251-6268; dư nợ gốc: 4.980.331 đồng; lãi trong hạn: 1.266.600 đồng; lãi quá hạn: 633.300 đồng. Tổng cộng: 6.880.231 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 28/3/2025) bà Nguyễn thị T1 phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: 7.850.797 đồng, bà Nguyễn Thị T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.864.024 đồng theo biên lai thu số 0001939 ngày 18/12/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP ..

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Lâm